

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 12 /CAT-PV01

V/v đơn giản hóa, giảm thời gian giải
quyết các TTHC trong lĩnh vực cư trú,
Căn cước công dân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kính gửi:

- Trưởng phòng PC06;
- Trưởng Công an các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 9253/C06-TTDLDC ngày 30/12/2022 của C06 – Bộ Công an, về việc đơn giản hóa, giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực cư trú, Căn cước công dân. Để thống nhất triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh yêu cầu Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương nêu trên chỉ đạo, triển khai thực hiện một số nội dung sau:

I. ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 5714/QĐ-BCA-V03 NGÀY 28/7/2022 (Bãi bỏ quy định nộp giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân của công dân)

1. Đăng ký thường trú lần đầu cho trẻ em mới sinh: Công dân không phải xuất trình Giấy khai sinh đối với trường hợp đăng ký thường trú cho trẻ em khai sinh lần đầu (áp dụng đối với trường hợp đã có dữ liệu đầy đủ, chính xác do Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đồng bộ sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).

Căn cứ thực hiện đơn giản hóa: Theo quy định tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ, quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thì khi cấp định danh cho trẻ em mới sinh, dữ liệu của trẻ em mới sinh được cập nhật từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp.

2. Đăng ký thường trú cho vợ về với chồng, chồng về với vợ; cha, mẹ về với con, con về với cha, mẹ: Công dân không phải xuất trình giấy tờ, tài liệu chứng minh mối quan hệ vợ, chồng; Giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ, cụ thể:

- Trường hợp thông tin về mối quan hệ vợ, chồng; cha, mẹ, con đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cán bộ ghi rõ vào nội dung phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (CT06) và Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ (CT11) (*Ghi rõ: Trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã có thông tin về mối quan hệ vợ (chồng)/cha, mẹ (con); tại phần ghi chú ghi rõ thời gian tra cứu và tên, số định danh người cần chứng minh mối quan hệ*);

- Trường hợp thông tin về mối quan hệ vợ, chồng; cha, mẹ, con của công dân chưa có hoặc không khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân

cư thì thực hiện thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin công dân theo Quyết định số 6824/QĐ-BCA-C06 ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an, ban hành quy trình thu thập, cập nhật, chỉnh sửa và kiểm tra, phúc tra thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Căn cứ thực hiện đơn giản hóa: Hiện nay, thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm 18 nhóm trường thông tin, trong đó, có thông tin về họ, tên và số định danh của cha, mẹ, chồng (vợ), vì vậy, khi giải quyết đăng ký thường trú cho công dân theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú thì Công an các đơn vị, địa phương không yêu cầu công dân phải xuất trình các loại giấy tờ như trên để chứng minh.

3. Người cao tuổi đăng ký thường trú với anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu ruột; người chưa thành niên đăng ký thường trú với cụ nội, cụ ngoại, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, người giám hộ: Công dân không cần xuất trình Giấy chứng minh người cao tuổi; Giấy tờ chứng minh người chưa thành niên quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 6 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ.

- Trường hợp thông tin về ngày, tháng, năm sinh của công dân đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì cán bộ ghi rõ vào nội dung phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (CT06) và Phiếu đề xuất phê duyệt hồ sơ (CT11) (*Ghi rõ: Trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã có thông tin chứng minh thuộc trường hợp là người cao tuổi, người chưa thành niên; tại phần ghi chú ghi rõ thời gian tra cứu và tên, số định danh người thực hiện thủ tục*);

- Trường hợp thông tin về mối quan hệ của công dân chưa có hoặc không khớp với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì thực hiện thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin công dân theo quy định tại Quyết định số 6824/QĐ-BCA-C06 ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an, ban hành quy trình thu thập, cập nhật, chỉnh sửa và kiểm tra, phúc tra thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Căn cứ thực hiện đơn giản hóa: Theo quy định Điều 2 Luật Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên và theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi. Hiện nay, trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã có thông tin về ngày, tháng, năm sinh của công dân vì vậy không yêu cầu công dân xuất trình giấy tờ chứng minh.

II. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH RÚT NGẮN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TRONG LĨNH VỰC CƯ TRÚ

1. Rút ngắn thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục đăng ký thường trú trong các trường hợp vợ về ở với chồng; chồng về ở với vợ; con về ở với cha, mẹ; cha, mẹ về ở với con; người chưa thành niên về với người giám hộ khi vợ, chồng, cha, mẹ, con, người giám hộ là chủ hộ và đồng thời là chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp.

Căn cứ thực hiện: ⁽¹⁾ Hồ sơ, thủ tục đơn giản (chỉ cần giấy tờ chứng minh quan hệ và chủ hộ, chủ sở hữu đồng ý vào CT1); ⁽²⁾ Qua công tác quản lý địa bàn, nắm hộ nắm người lực lượng Công an cấp xã có thể nắm được các trường hợp trên mà không phải mất nhiều thời gian để xác minh; ⁽³⁾ Các trường thông tin liên quan đến mối quan hệ thân nhân, gia đình đã được thể hiện trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do đó không mất thời gian xác minh.

2. Rút ngắn thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục xóa đăng ký thường trú đối với các trường hợp: Có quyết định của tòa án tuyên bố mất tích hoặc đã chết; Đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; trường hợp đã đăng ký thường trú tại chỗ ở đã bị phá dỡ, tịch thu theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tại phương tiện đã bị xóa đăng ký phương tiện theo quy định của pháp luật.

Căn cứ thực hiện: Hồ sơ, thủ tục đơn giản (chỉ cần có giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp thuộc diện xóa đăng ký thường trú), không mất nhiều thời gian để xác minh.

3. Rút ngắn thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục tách hộ (trừ trường hợp tách hộ là vợ, chồng sau ly hôn mà vẫn được cùng sử dụng chỗ ở hợp pháp đó).

Căn cứ thực hiện: ⁽¹⁾ Hồ sơ, thủ tục đơn giản (chỉ cần chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đồng ý cho tách hộ); ⁽²⁾ Thông tin hộ gia đình đã có đầy đủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do đó việc xác minh thuận lợi, rút ngắn thời gian.

4. Rút ngắn thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú đối với trường hợp thay đổi chủ hộ, thay đổi thông tin về hộ tịch so với thông tin đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.

Căn cứ thực hiện: ⁽¹⁾ Hồ sơ, thủ tục đơn giản (chỉ cần xuất trình giấy tờ chứng minh việc điều chỉnh thông tin hộ tịch, chủ hộ); ⁽²⁾ Thông qua việc kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu hộ tịch để xác định thông tin thay đổi của công dân, qua đó không mất thời gian để xác minh.

5. Rút ngắn thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với thủ tục đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú.

Căn cứ thực hiện: ⁽¹⁾ Các trường hợp công dân đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư không phải thực hiện nhiều thủ tục xác minh ở nơi thường trú; ⁽²⁾ Thông qua công tác nắm địa bàn, nắm hộ nắm người, Công an cấp xã nắm rõ được thông tin về công dân đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú do đó rút ngắn thời gian xác minh.

III. CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH RÚT NGẮN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TRONG LĨNH VỰC CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Rút ngắn thời gian giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc đối với thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tiếp nhận tại Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư).

Căn cứ thực hiện: ⁽¹⁾ Chủ động việc xử lý trên hệ thống; ⁽²⁾ Không mất thời gian xử lý và chuyển dữ liệu điện tử từ địa phương lên Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định là 02 ngày); ⁽³⁾ Rút ngắn thời gian chuyển và nhận thẻ Căn cước công dân.

Yêu cầu các đồng chí khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc. Đồng thời, giao Trưởng Công an cấp huyện triển khai Công văn này đến Công an cấp xã, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo kịp thời về Công an tỉnh (qua Phòng PC06) để trao đổi, thống nhất thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc CA tỉnh (để báo cáo);
- Các Đ/c Phó GD CA tỉnh (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, PV01 (Đội 6), PC06.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Trần Văn Hòa